

SO SÁNH CẤU TRÚC KINH TẾ CỦA VIỆT NAM, HOA KỲ VÀ TRUNG QUỐC

Nguyễn Quang Thái, Bùi Trinh**, Nguyễn Việt Phong****

Tóm tắt:

Bài viết này sử dụng bảng cân đối liên ngành của ba nước nhằm đưa ra một bức tranh sơ bộ về cấu trúc kinh tế của 3 quốc gia và mừng tượng về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố của cầu cuối cùng đến giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của mỗi quốc gia.

1. Giới thiệu

Trong những năm gần đây, phân tích quan hệ thương mại giữa Việt Nam với Hoa Kỳ và Trung Quốc cho thấy tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào Hoa Kỳ trong tổng xuất khẩu hàng hóa tăng từ 19,7% năm 2010 lên 23,2% năm 2019, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào Trung Quốc cũng tăng từ 10,7% năm 2010 lên 15,7% năm 2019. Tỷ trọng nhập khẩu hàng hóa trong tổng nhập khẩu của Việt Nam từ Hoa Kỳ tăng từ 4,4% năm 2010 lên 5,7% năm 2019, với Trung Quốc tăng từ 23,8% năm 2010 lên 29,8% năm 2019.

Trong quan hệ thương mại với Hoa Kỳ, Việt Nam luôn có thặng dư thương mại. Thặng dư thương mại của Việt Nam với Hoa Kỳ từ 2010 đến 2019 tăng 4,5 lần.

Trong quan hệ thương mại với Trung Quốc và Hàn Quốc, Việt Nam luôn thâm hụt

thương mại. Thâm hụt thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc từ 2010 đến 2019 tăng 2,7 lần, với Hàn Quốc từ 2010 đến 2019 tăng 4,1 lần.

Nghiên cứu này sử dụng bảng cân đối liên ngành của ba nước nhằm đưa ra một bức tranh sơ bộ về cấu trúc kinh tế của 3 quốc gia. Và mừng tượng về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố của cầu cuối cùng đến giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của mỗi quốc gia.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này sử dụng một số tỷ lệ cơ bản trong các bảng cân đối liên ngành như:

- Tỷ lệ chi phí trung gian so với giá trị sản xuất
- Tỷ lệ giá trị tăng thêm so với giá trị sản xuất
- Tỷ lệ tiêu dùng cuối cùng / GDP (chia theo thành thị, nông thôn)
- Tỷ lệ đầu tư/ GDP
- Xuất khẩu thuần / GDP

* GS. TSKH, Viện Nghiên cứu phát triển Việt Nam

** Tiến sỹ, Viện Nghiên cứu phát triển Việt Nam

*** Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ, Tổng cục Thống kê

- Hệ số co giãn của lao động: $COE = \text{Thu nhập của người lao động} / \text{Giá trị tăng thêm theo giá cơ bản}$

- Hệ số co giãn của vốn: $OP = 1 - COE$

- Ảnh hưởng lan tỏa từ cầu cuối cùng đến giá trị sản xuất (X^{id}) và giá trị tăng thêm (V^{id}), sử dụng quan hệ cơ bản của Leontief:

$$X = (I - A^d)^{-1} Y^d$$

$$X^{id} = \Sigma (I - A^d)^{-1} Y^d \div \Sigma Y^d$$

$$V^{id} = v(I - A^d)^{-1} Y^d \div \Sigma Y^d$$

Với X là ma trận giá trị sản xuất được tạo ra bởi các yếu tố của cầu cuối cùng; $(I - A^d)^{-1}$ là ma trận nghịch đảo Leontief dạng phi cạnh tranh; Y^d là ma trận cầu cuối cùng bao gồm tiêu dùng cuối cùng, đầu tư và xuất khẩu.

3. Một số nhận định

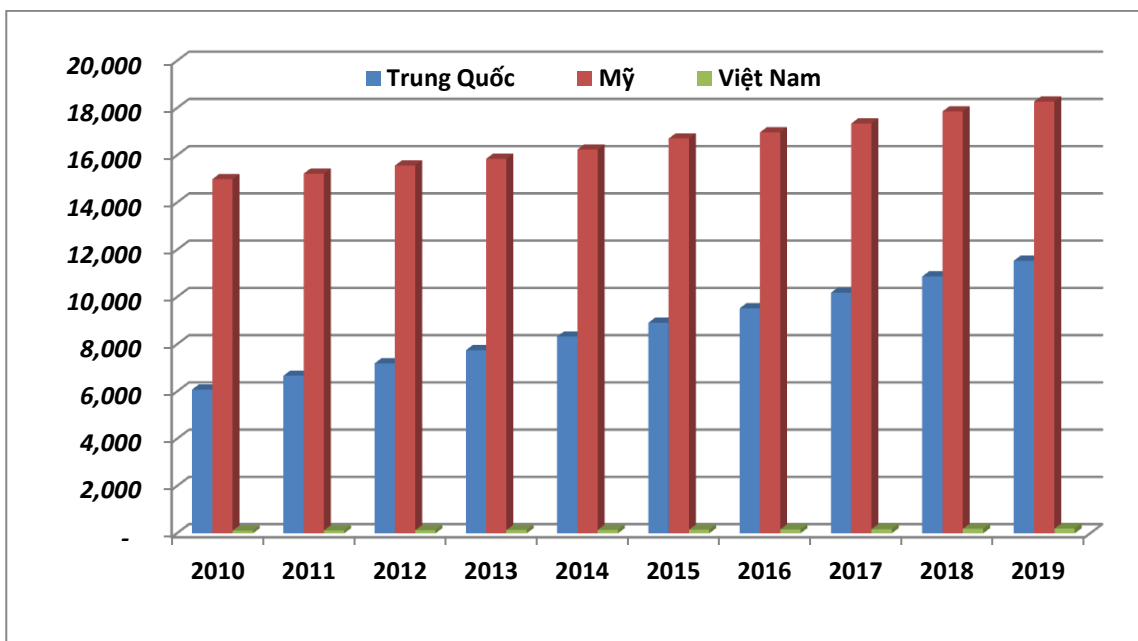
3.1. Tổng quan

3.1.1. Tốc độ tăng trưởng và quy mô GDP của Việt Nam - Trung Quốc và Hoa Kỳ

Trong giai đoạn 2010-2019, tốc độ tăng trưởng GDP theo giá so sánh 2010 bình quân của Trung Quốc là 7,7%; của Hoa Kỳ là 2,3% và Việt Nam là 6,3%. Tuy nhiên xét theo quy mô, tính đến năm 2019, quy mô GDP của Trung Quốc đạt 11.537 nghìn tỷ USD, gấp 57 lần GDP của Việt Nam; quy mô của Hoa Kỳ đạt 18.273 nghìn tỷ USD, gấp 91 lần GDP của Việt Nam (GDP của Việt Nam năm 2019 chỉ đạt con số rất khiêm tốn là 201 nghìn tỷ USD).

Hình 1: Quy mô GDP của Việt Nam - Trung Quốc -Hoa Kỳ trong giai đoạn 2010-2019

Đơn vị tính: 1000 tỷ USD



Nguồn: Dữ liệu của Ngân hàng Thế giới

(<https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD?locations=US-VN-CN>)

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

Với tương quan so sánh quy mô GDP của 3 quốc gia như trên và áp dụng tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2015-2019 cho dự báo tăng trưởng (Việt Nam là 6,8%; Trung Quốc là 6,7% và Hoa Kỳ là 2,4%), kết quả dự báo cho thấy: đến năm 2127 thì quy mô GDP của Việt Nam mới bằng quy mô GDP của Hoa Kỳ (sau 108 năm tính từ năm 2019); đến năm 2200 thì quy mô GDP của Việt Nam bằng 1/56 quy mô GDP của Trung Quốc (sau 181 năm tính từ năm 2019).

3.1.2. Một số phân tích về cấu trúc kinh tế của 3 quốc gia

Phân tích cấu trúc của Bảng I-O cho thấy một số kết quả như sau:

+ Tỷ lệ giá trị tăng thêm (GDP) trên giá trị sản xuất (GI) của Việt Nam là 29%,

của Trung Quốc là 32,7% và của Hoa Kỳ là 55,8%;

+ Cơ cấu VA của Việt Nam của khu vực Nông lâm nghiệp và thủy sản (khu vực I) là 15,9%; khu vực Công nghiệp và Xây dựng là 47,5%; khu vực Dịch vụ là 36,6%. Cơ cấu VA của Trung Quốc chia theo 3 khu vực tương ứng là 9,2%; 40,7% và 50,1%. Cơ cấu VA của Hoa Kỳ chia theo 3 khu vực tương ứng là 1,1%; 21,1% và 77,8%;

+ Tỷ lệ VA trên GI của Việt Nam của khu vực I là 33,9%; khu vực II là 21,7%; khu vực III là 46,3%. Tỷ lệ VA của Trung Quốc chia theo 3 khu vực tương ứng là 58,8%; 20,8% và 53,1%. Tỷ lệ VA của Hoa Kỳ chia theo 3 khu vực tương ứng là 37,5%; 42,9% và 61,3%.

Bảng 1: Tỷ lệ chi phí trung gian (IC) và giá trị tăng thêm so với giá trị sản xuất của Việt Nam - Trung Quốc - Hoa Kỳ theo 13 ngành sản phẩm

Đơn vị tính: %

Tên ngành sản phẩm	Việt Nam		Trung Quốc		Hoa Kỳ	
	IC/GI	VA/GI	IC/GI	VA/GI	IC/GI	VA/GI
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	66,1	33,9	41,2	58,8	62,5	37,5
Khai khoáng	61,2	38,8	66,1	33,9	42,8	57,2
Sản xuất điện, gas, nước, xử lý nước thải	41,5	58,5	77,6	22,4	34,6	65,4
Xây dựng	75,4	24,6	77,0	23,0	46,0	54,0
Công nghiệp chế biến, chế tạo	81,5	18,5	80,5	19,5	62,8	37,2
Bán buôn, bán lẻ	48,4	51,6	37,1	62,9	37,7	62,3
Vận tải và kho bãi	69,5	30,5	62,6	37,4	46,0	54,0
Thông tin truyền thông	66,8	33,2	51,6	48,4	40,5	59,5
Ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản, cho thuê và kinh doanh dịch vụ	44,0	56,0	43,6	56,4	43,7	56,3
Hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ	56,6	43,4	64,1	35,9	35,0	65,0

Giáo dục, đào tạo và Y tế, chăm sóc sức khỏe	44,9	55,1	39,9	60,1	35,9	64,1
Nghệ thuật vui chơi giải trí - Khách sạn và nhà hàng	64,2	35,8	56,8	43,2	40,8	59,2
Các hoạt động dịch vụ khác (bao gồm hoạt động của Chính phủ)	44,9	55,1	43,3	56,7	36,3	63,7
Tổng chung	71,0	29,0	67,3	32,7	44,2	55,8

Từ các kết quả trên, có thể rút ra một số đánh giá:

+ Thứ nhất, cấu trúc kinh tế của Trung Quốc và Hoa Kỳ đã có sự chuyển hướng rõ rệt sang hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, đặc biệt là Hoa Kỳ (chỉ còn 1,1% theo cấu trúc năm 2018);

+ Thứ hai, hiệu quả sản xuất của Việt Nam là thấp nhất trong 3 quốc gia tính theo tỷ lệ VA trên giá trị sản xuất (Việt Nam là 29%; Trung Quốc là 32,7% và Hoa Kỳ là 55,8%).

3.2. Cấu trúc kinh tế của 3 quốc gia

So sánh tổng quan cấu trúc kinh tế từ các bảng cân đối liên ngành của Việt Nam, Hoa Kỳ và Trung Quốc cho thấy những điểm sau:

+ Về tỷ lệ chi phí trung gian so với giá trị sản xuất cho thấy tỷ lệ này của Việt Nam

cao nhất, sau đó là Trung Quốc và Hoa Kỳ có tỷ lệ này thấp nhất; tỷ lệ này phần nào phản ánh hiệu quả sản xuất, đối với Hoa Kỳ làm ra 100 usd thì tạo ra 57 usd giá trị tăng thêm, Trung Quốc có 100 usd giá trị sản xuất tạo ra 33 usd giá trị tăng thêm, trong khi Việt Nam có 100 usd chỉ tạo ra 28 usd giá trị tăng thêm; theo sách trắng về doanh nghiệp năm 2020 cho thấy tỷ lệ chi phí trung gian so với doanh thu thuần của toàn bộ doanh nghiệp tư nhân là 91%, tức là có 100 usd giá trị sản xuất chỉ có 9 usd là giá trị tăng thêm, tỷ lệ này của doanh nghiệp Nhà nước là 88% và 75% (bảng 2).

Như vậy, để có được 28 usd giá trị tăng thêm trên 100 usd giá trị sản xuất chính là do khu vực cá thể (giá trị tăng thêm của khu vực này chiếm 30% GDP). Điều này cho thấy nền kinh tế Trung Quốc và Việt Nam là nền kinh tế gia công và đối với Việt Nam vừa là nền kinh tế gia công (khối doanh nghiệp) vừa rất manh mún nhỏ lẻ.

Bảng 2: Chi phí trung gian so với doanh thu thuần

Đơn vị tính: %

	2020
CÁ NƯỚC	88.79
Khu vực doanh nghiệp nhà nước	88.08
- Trong đó: Khu vực DN 100% vốn nhà nước	89.16
Khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước	90.88
Khu vực doanh nghiệp FDI	84.95

Nguồn: "Sách trắng về doanh nghiệp Việt Nam, 2020" TCTK - MPI

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

+ Xét về hệ số co giãn của lao động và vốn cho thấy giả sử Việt Nam, Hoa Kỳ và Trung Quốc có tăng trưởng về năng suất nhân tố tổng hợp như nhau thì Việt Nam cần rất nhiều vốn để tạo ra tăng trưởng, sau đó là Trung Quốc và Hoa Kỳ. Một điều ngạc nhiên là Việt Nam mặc dù có cấu trúc về lao động và vốn chênh lệch nhưng tỷ lệ đầu tư trong GDP của Việt Nam giảm từ 46% trong năm 2007 xuống còn 28% trong năm 2018 nhưng GDP vẫn tăng trưởng cao (theo TCTK), điều này chỉ có thể lý giải là năng suất lao động của Việt Nam tăng một cách mạnh mẽ hoặc tăng lương mà không phụ thuộc vào tăng năng suất lao động? Số liệu Thống kê cho thấy năng suất lao động của Việt Nam có được cơ bản do các ngành đặc thù như khai thác khoáng sản, điện và

kinh doanh bất động sản; mặc dù vậy năng suất của Việt Nam vẫn thua Lào (với số liệu hiện thời).

Đến quý 2 Hoa Kỳ và các nước khác trên thế giới đều tăng trưởng âm, chỉ có Việt Nam và Trung Quốc tăng trưởng dương + Xét về các yếu tố của tổng cầu cuối cùng cho thấy tỷ lệ tiêu dùng cuối cùng của dân cư so với GDP của Việt Nam và Hoa Kỳ là tương đương nhau (68%), trong khi đó tỷ lệ này của Trung Quốc chỉ là 39%, như vậy để bù vào nhằm thúc đẩy tăng trưởng Trung Quốc phải tung ra một lượng đầu tư cực lớn chiếm tới 45% GDP. Xét về xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ chỉ có Trung Quốc có thặng dư thương mại. Việt Nam và Hoa Kỳ thâm hụt thương mại.

Bảng 3: Một số chỉ tiêu tổng hợp phản ánh cấu trúc của nền kinh tế

Đơn vị tính: %

	Trung Quốc	Hoa Kỳ	Việt Nam
Tỷ lệ chi phí trung gian/GO	67	43	72
Tỷ lệ VA/GO	33	57	28
Hệ số co giãn của lao động	69	57	77
Hệ số co giãn của vốn	31	43	23
Tiêu dùng cuối cùng của dân cư/ GDP	39	68	68
Tiêu dùng cuối cùng của Chính phủ/ GDP	14	14	6
Đầu tư/GDP	45	21	30
Xuất khẩu thuần/GDP	2	-3	-4

Nguồn: www.gso.gov.vn, <https://www.bea.gov/data/economic-accounts/national>,
<http://www.stats.gov.cn/english/statisticaldata/Quarterlydata/>

Nhìn sâu hơn về mức độ lan tỏa của các nhân tố của cầu cuối cùng đến giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm có thể thấy xuất khẩu của Hoa Kỳ không lan tỏa đến giá trị sản xuất mạnh như Trung Quốc nhưng lan tỏa đến giá trị tăng thêm rất

cao, hầu hết các yếu tố của cầu cuối cùng như tiêu dùng cuối cùng (chia ra thành thị, nông thôn), đầu tư, xuất khẩu của Hoa Kỳ đều lan tỏa mạnh đến giá trị tăng thêm hơn Trung Quốc và Việt Nam.

GDP của Hoa Kỳ cơ bản dựa vào tiêu dùng dân cư (68%); tuy nhiên việc tiêu dùng cuối cùng của Hoa Kỳ có thể kích thích đến sản xuất trong nước trong trường hợp tiêu dùng cuối cùng sản phẩm trong nước hoặc kích thích sản xuất của nước khác trong trường hợp tiêu dùng cuối cùng sản phẩm nhập khẩu. Như vậy Hoa Kỳ đánh thuế lên hàng nhập khẩu Trung Quốc trước tiên nhằm tăng cường sản xuất trong nước, thứ đến mới là gián tiếp làm suy giảm sản xuất của Trung Quốc.

Đối với Việt Nam các nhân tố của cầu cuối lan tỏa đến giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm đều thấp hơn Trung Quốc và Hoa Kỳ. Trong các nhân tố của cầu cuối cùng của Việt Nam xuất khẩu lan tỏa đến giá trị tăng thêm thấp nhất, nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến giá trị tăng thêm của Việt Nam là tiêu dùng cuối cùng của khu vực nông thôn. Như vậy với cấu trúc kinh tế và các hệ số lan tỏa như đã đề cập có thể thấy nếu Việt Nam không thực sự thay đổi mà chỉ nhìn vào tăng trưởng GDP sẽ không thể vươn lên.

Năm 2019 theo US trade, nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam vào Hoa Kỳ là điện thoại di động, thiết bị liên quan; nội thất, bộ phận của chúng; giày thể thao, giày dệt khác; đồ gỗ và chip máy tính chiếm 34,91% trong tổng số.

Rất khó tìm kiếm số liệu về xuất khẩu theo thành phần sở hữu, theo số liệu tổng quát cho thấy với những sản phẩm xuất khẩu từ Việt Nam đi Hoa Kỳ như trên có thể thấy xuất khẩu từ Việt Nam sang Hoa Kỳ cơ bản của khu vực FDI. Để ý so sánh số liệu trên website của Tổng cục

Thống kê cho thấy xuất siêu của khu vực FDI thường đi đôi với việc chi trả sở hữu thuần (luồng tiền chảy ra nước ngoài) trong năm kế tiếp thường rất cao và tình hình này ngày một trầm trọng, mấy năm gần đây luồng tiền chảy ra nước ngoài cũng tương đương với con số xuất siêu của khu vực FDI. Tính toán từ bảng cân đối liên ngành của Việt Nam cho thấy những sản phẩm xuất khẩu sang Hoa Kỳ lan tỏa đến giá trị tăng thêm thấp nhất trong các nhóm ngành kinh tế, nhưng lại lan tỏa đến nhập khẩu rất lớn, xuất khẩu hàng điện tử, máy tính, điện thoại và linh kiện của chúng nếu xuất khẩu 100 usd thì chỉ tạo ra 27 usd giá trị tăng thêm và 14 usd đến thu nhập của người lao động trong nước; sản phẩm dệt may, giày da xuất khẩu 100 usd tạo ra 31 usd giá trị tăng thêm và 18 usd thu nhập của người lao động trong nước. Như vậy nếu vẫn đam mê thành tích bề nổi như thành tích xuất khẩu và GDP thì thực tế người dân và nền kinh tế Việt Nam cũng chẳng được lợi ích gì nhiều từ việc xuất khẩu vào Hoa Kỳ, trong khi Hoa Kỳ bị nhập siêu và nước hưởng lợi là những nước chủ sở hữu các doanh nghiệp FDI và nhập khẩu đầu vào cho sản xuất từ các nước khác.

Đối với Trung Quốc, tuy tiêu dùng cuối cùng của Trung Quốc lan tỏa khá tốt đến giá trị tăng thêm, nhưng trong hơn 10 năm qua tiêu dùng cuối cùng của Trung Quốc không lên được 50% GDP. Năm 2020 Trung Quốc vừa chống chọi với dịch Covid 19 vừa đối phó với thiên tai, tiêu dùng cuối cùng của dân cư của Trung Quốc chắc chắn trầm lắng hơn nữa, về thương mại cũng gặp vấn đề qua cuộc thương chiến với Hoa

Kỳ mà chưa có hồi kết. Như vậy, Trung Quốc mặc dù có nhiều tuyên bố hùng hồn và một số nghiên cứu chỉ nhìn vào chỉ tiêu

GDP mà công bố và cho rằng đến năm 2030 Trung Quốc sẽ vượt Hoa Kỳ là một điều rất khó.

Bảng 4: Hệ số lan tỏa của các nhân tố của cầu cuối cùng đến giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm

Đơn vị tính: lần

		Giá trị sản xuất	Giá trị tăng thêm
Trung Quốc	Tiêu dùng cuối cùng nông thôn	2,35	0,91
	Tiêu dùng cuối cùng thành thị	2,37	0,90
	Đầu tư	3,01	0,85
	Xuất khẩu	2,81	0,81
Việt Nam	Tiêu dùng cuối cùng nông thôn	1,75	0,73
	Tiêu dùng cuối cùng thành thị	1,74	0,71
	Đầu tư	1,8	0,58
	Xuất khẩu	1,79	0,57
Hoa Kỳ	Tiêu dùng cuối cùng nông thôn	1,91	0,99
	Tiêu dùng cuối cùng thành thị	1,90	0,98
	Đầu tư	2,04	0,99
	Xuất khẩu	2,14	0,98

Nguồn: www.gso.gov.vn, <https://www.bea.gov/data/economic-accounts/national>, <http://www.stats.gov.cn/english/statisticaldata/Quarterlydata/>

4. Kết luận

So sánh cấu trúc kinh tế của 3 quốc gia Việt Nam, Trung Quốc và Hoa Kỳ có thể thấy cấu trúc kinh tế của Hoa Kỳ lành mạnh và hiệu quả nhất, sự gia tăng tổng cầu thực sự làm gia tăng phái cung như giá trị sản xuất và thu nhập. Nếu so sánh giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc có thể thấy Hoa Kỳ có cấu trúc kinh tế vững chãi hơn rất nhiều.

Cấu trúc kinh tế của Việt Nam cho thấy việc nhận những sản phẩm xuất khẩu của khu vực FDI, kể cả khu vực trong nước là xuất khẩu sản phẩm của Việt Nam thực chất không có ý nghĩa nhiều đối với người dân và nền kinh tế Việt Nam.

Nhận định của các nhà nghiên cứu tại Trung tâm Nghiên cứu phát triển (DRC) thực hiện mới đây cho rằng nền kinh tế Trung Quốc sẽ vượt xa nền kinh tế Hoa Kỳ và sẽ trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới vào năm 2032 bất chấp “chiến tranh thương mại” đang diễn ra là không thực tế. Với cách tính và công bố GDP như Trung Quốc có thể khiến nền kinh tế này vượt Hoa Kỳ bất cứ lúc nào.

GDP là chỉ tiêu tạm để so sánh một cách tương đối giữa các nước nhưng với những nước cơ bản sản xuất gia công thì GDP không có nhiều ý nghĩa kinh tế thực sự.

(Xem tiếp trang 3)

Tài liệu tham khảo:

1. www.gso.gov.vn
2. <https://www.bea.gov/data/economic-accounts/national>
3. <http://www.stats.gov.cn/english/statisticaldata/Quarterlydata/>
4. Bui Trinh (2020) "Supply Size in Exports: Expansion Input-Output Analysis Approach" International Journal of Economics and Financial Research Vol. 6, Issue. 8, pp: 201-206
5. Leontief, W. (1936). Quantitative input and output relations in the Economic systems of the United States. The Review of Economics and Statistics, 18(3): 105-125.
6. Leontief, W. (1953). Domestic production and foreign trade: The American capital position revisited. Proceeding of the American Philosophical Society, 97(4): 332-149.
7. MPI (2020) " Sách trắng về doanh nghiệp Việt Nam, 2020" NXB Thống kê, Hà Nội
8. Nguyen Quang Thai, Bui Trinh et al (2020) "Analysis of Bilateral Input-Output Trading between Vietnam and China" The Journal of Asian Finance, Economics and Business Vol.7 No.6 pp.157-172